

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2026
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đoàn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Mai Hương
2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Lê Na - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 805/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4980/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Như Ái M, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số C đường H, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phạm Hồng L, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số E đường D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Võ Như Ái M có đơn xin vắng mặt, ông Phạm Hồng L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Như Ái M trình bày: Bà và ông Phạm Hồng L tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 108, quyền số 01 ngày 12/7/2005.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Từ năm 2020, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng khác biệt về tính cách, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Bà Minh xác Đ bà và ông L không còn khả năng quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn tình cảm với

nhau, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông Phạm Hồng L.

Về con chung: Quá trình chung sống bà M và ông H có 02 con chung tên Phạm Võ Minh H1, sinh ngày 09/01/2005 và Phạm Võ Như Q, sinh ngày 11/9/2006 (tất cả đã thành niên).

Về tài sản chung: Bà M và ông L có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bà M không có yêu cầu gì khác trong vụ án này.

Bị đơn ông Phạm Hồng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án thực hiện đúng thời hạn quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Như Ái M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn ông Phạm Hồng L đang thực tế cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Thành

phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Võ Như Ái M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Hồng L vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Võ Như Ái M và ông Phạm Hồng L tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 108, quyển số 01 ngày 12/7/2005, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Đối với yêu cầu của bà Võ Như Ái M về việc ly hôn với ông Phạm Hồng L:

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, hai vợ chồng cần có sự yêu thương, quan tâm, cùng nhau chia sẻ, vun đắp gia đình. Tuy nhiên, theo bà M trình bày: Từ năm 2020, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do khác biệt về tính cách, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Từ đó dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Hai bên đã nhiều lần tạo cơ hội đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả. Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không làm rõ được mâu thuẫn.

Qua ý kiến trình bày của bà M, sự vắng mặt của ông L, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông L đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà M yêu cầu được ly hôn với ông L là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung:

Căn cứ do Ủy ban nhân dân phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/10/2005 và ngày 15/9/2006, có đủ cơ sở xác định bà Võ Như Ái M và ông Phạm Hồng L có 02 con chung tên Phạm Võ Minh H1, sinh ngày 09/01/2005 và Phạm Võ Như Q, sinh ngày 11/9/2006 (tất cả đã thành niên).

[2.3]. Về tài sản chung: Bà Võ Như Ái M xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Bà Võ Như Ái M xác định không có.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp.

[2.5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Như Ái M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 186; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 19; 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Như Ái M:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Như Ái M được ly hôn với ông Phạm Hồng L.

- Về con chung: 02 con chung tên Phạm Võ Minh H1, sinh ngày 09/01/2005 và Phạm Võ Như Q, sinh ngày 11/9/2006 (tất cả đã thành niên).

- Về tài sản chung: Bà Võ Như Ái M xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Võ Như Ái M xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Như Ái M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được miễn trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023070 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Võ Như Ái M đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Võ Như Ái M, ông Phạm Hồng L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV2 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Đoàn